

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2024/HS-ST

Ngày: 12-09-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thuý (Giáo viên trường Tiểu học Thụy Hà)

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/HSST-QĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, đối với:

Bị cáo HOÀNG ĐỨC T sinh ngày 24/7/1978, tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 12/12; căn cước công dân số 034078000415; con ông Hoàng Đức X (đã chết) và bà Phạm Thị T1 sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Đ sinh năm 1981; trú tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Từ tháng 3/1999 đến tháng 02/2001 tham gia nghĩa vụ quân sự, đơn vị xuất ngũ: Bộ T3.

- Bị cáo không bị tạm giam, bị cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

* *Bị hại:* Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Phúc K – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đăng H sinh năm 1970 – Công chức Địa chính – Nông nghiệp - Tài nguyên và Môi trường xã H; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2024 đến ngày 29/4/2024, Hoàng Đức T2 đi nhặt phế liệu và phát hiện khu thu gom xử lý rác thải thuộc xứ Đ, thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình của Ủy ban nhân dân xã H quản lý không có người trông coi nên đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 27/4/2024, T2 một mình đi xe đạp mang theo 01 chiếc thùng và 01 chiếc búa rìu (một đầu búa, 01 đầu rìu) đến khu lò đốt rác, rồi dùng thùng, búa tháo, cạy và lấy 03 tấm tôn ốp xung quanh thân lò đốt rác, sau đó T2 dùng xe đạp chở tôn đến bán cho bà Lê Thị V sinh năm 1959, địa chỉ: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình – là người thu mua phế liệu được 52.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 28/4/2024, T2 một mình đi xe đạp mang theo 01 chiếc thùng và 01 chiếc búa rìu đến khu lò đốt rác, rồi dùng thùng, búa tháo, cạy và lấy 03 tấm tôn ốp xung quanh thân lò đốt rác, sau đó T2 dùng xe đạp chở tôn đến bán cho bà Lê Thị V được 92.000 đồng.

Lần thứ ba: Sau hai lần trộm cắp gần hết các tấm tôn ốp xung quanh thân lò đốt rác, T2 nảy sinh ý định tháo dỡ cánh cửa của nhà bảo vệ nằm trong khu xử lý rác. Khoảng 07 giờ 30 ngày 29/4/2024, T2 bảo cháu Hoàng Đức P, sinh ngày 12/9/2009; cháu Hoàng Đức Anh M, sinh ngày 22/9/2012 (là cháu của T2) và cháu Phạm Thanh B, sinh ngày 14/6/2010 ở cùng thôn B, xã H kéo chiếc xe lôi 3 bánh đến khu vực lò đốt rác, còn T2 đi xe đạp mang theo 01 chiếc thùng và 01 chiếc búa rìu. Đến nơi, T2 dùng búa rìu và thùng để tháo 03 bộ cửa ở phòng bảo vệ bằng gỗ pano kính (gồm 02 bộ cửa ra vào, mỗi bộ gồm 02 cánh cửa, mỗi cánh có kích thước (2,3 x 0,6) m và 01 bộ cửa sổ gồm 02 cánh cửa, mỗi cánh có kích thước (1,5 x 0,5) m); sau đó, T2 cùng cháu B khiêng, đặt 03 bộ cánh cửa lên xe lôi. Tương bảo cháu P, cháu M và cháu B kéo xe lôi chở 03 bộ cánh cửa đến giấu ở hiên căn nhà bỏ hoang, không có người ở của bà Bùi Thị Đ1, sinh năm 1936 ở cùng thôn. Tương ở lại dùng thùng cạy tháo 01 tấm tôn có kích thước (0,8 x 0,35) m, nặng 1,5kg ở thân lò đốt rác cho lên xe đạp chở về nhà.

Công an huyện T đã quản lý, thu giữ toàn bộ tôn và cánh cửa mà T2 trộm cắp trả lại cho UBND xã H. Ngày 11/5/2024, bị cáo đã giao nộp cho Công an huyện T công cụ, phương tiện mà bị cáo đã sử dụng để trộm cắp tài sản gồm 01 búa, 01 thùng, 01 xe đạp cũ. Ngày 15/6/2024, bà Phạm Thị T1 sinh năm 1957, trú tại: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình là mẹ đẻ của T2 giao nộp cho Công an huyện T 01 xe lôi ba bánh.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện T xác định được: Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T2 trộm cắp của UBND xã H vào các ngày 27, 28, 29 tháng 4 năm 2024 tổng trị giá 4.798.300 đồng; trong đó 03 bộ cửa bằng gỗ pano kính, gồm 02 bộ cửa ra vào, 01 bộ cửa sổ và 01 tấm tôn có kích thước (0,8 x 0,35)m, nặng 1,3kg, bị cáo trộm cắp vào ngày 29/4/2024 trị giá 4.524.100 đồng.

Cáo trạng số 121/CT-VKSTT ngày 22/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Hoàng Đức T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Đối với hành vi trộm cắp vào ngày 27 và 28/4/2024; giá trị tài sản 274.200 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 28/7/2024, Công an huyện T đã quyết định xử phạt hành chính đối với T2.

- Đối với bà Lê Thị V sinh năm 1959, ở thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình là người thu mua phế liệu, bà V không biết là các tấm tôn mà T2 bán cho bà là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà V.

- Đối với bà Phạm Thị T1 sinh năm 1957, trú tại: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình là mẹ đẻ của T2 là người cho T2 mượn 01 xe lôi ba bánh để chở cánh cửa nhưng bà T1 không biết là đó là tài sản trộm cắp nên đã trả lại chiếc xe cho bà T1.

Tại phiên tòa;

- Bị cáo Hoàng Đức T2 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố; mục đích bị cáo trộm cắp các tấm tôn là để bán lấy tiền mua rượu để uống vì bị cáo lệ thuộc vào rượu, không uống rượu thì tay chân bị cáo run rẩy, không thể đưa thức ăn vào miệng; vợ bị cáo đã chán nản, không quan tâm đến bị cáo, bị cáo phải tự đi nhặt phế liệu để bán lấy tiền tiêu xài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Đức T2 từ 04 tháng đến 05 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa rìu và 01 chiếc thuổng; tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 xe đạp đã qua sử dụng cũ.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Đức T2: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; bị cáo đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng; lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Đơn trình báo; Biên bản ghi lời khai của anh Lê Đăng H - công chức địa chính, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã H; Bản tự khai; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng: cháu Hoàng Đức P, sinh ngày 12/9/2009; cháu Hoàng Đức Anh M, sinh ngày 22/9/2012 (là cháu họ của T2) và cháu Phạm Thanh B, sinh ngày 14/6/2010, cùng trú tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; có sự tham gia của người giám hộ; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 11/5/2024, tại khu thu gom xử lý rác thải thuộc xứ Đ, thôn L, xã H, huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T...

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận:

Khoảng 07 giờ 30 ngày 29/4/2024, tại khu vực lò đốt rác thuộc xứ Đ, thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã H quản lý; lợi dụng thời điểm không có người trông coi tài sản, Hoàng Đức T2 đã trộm cắp 03 bộ cửa bằng gỗ pano kính, gồm 02 bộ cửa ra vào, 01 bộ cửa sổ và 01 tấm tôn có kích thước (0,8 x 0,35)m, nặng 1,3kg, tổng trị giá tài sản là 4.524.100 đồng.

[4] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[5] Bị cáo Hoàng Đức T2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[6] Bị cáo Hoàng Đức T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

[7] Bị cáo Hoàng Đức T2 là người có nhân thân tốt, đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự nhưng chỉ vì nghiện rượu nên bị cáo đã bị ảnh hưởng đến sức khỏe, hạn chế khả năng lao động, không có thu nhập để tự nuôi sống bản thân và hỗ trợ gia đình, từ đó đã dẫn đến con đường phạm tội.

[8] Đây là lần đầu bị cáo phạm tội, giá trị tài sản trộm cắp không lớn và đã được

cơ quan điều tra quản lý và trả lại ngay cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo cũng là tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện rượu nhưng cũng cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt đáng kể cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, vừa thể hiện được tính nghiêm minh nhưng cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là UBND xã H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Hoàng Đức T2 phải bồi thường, bà Lê Thị V không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền bà bán tài sản trộm cắp cho bà nên không đặt ra giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc búa rìu và 01 chiếc thuổng là công cụ mà bị cáo Hoàng Đức T2 dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; 01 xe đạp đã qua sử dụng là phương tiện mà bị cáo Hoàng Đức T2 dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Về án phí: Bị cáo Hoàng Đức T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức T2 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Đức T2 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam 12/9/2024.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Hoàng Đức T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa rìu đã qua sử dụng có kích thước chiều dài 24cm, cán làm bằng gỗ dài 20 cm, lưỡi có 02 đầu gồm đầu rìu, lưỡi rìu rộng 07 cm và một đầu búa rộng 05 cm, đầu búa có một đầu nhỏ đỉnh; phần lưỡi búa làm bằng kim loại có màu đen; 01 chiếc thuổng đã qua sử dụng có kích thước dài 120 cm, phần cán làm bằng ống tuýp sắt phi 34 (đường kính ống 3,4 cm); dài 100 cm; phần lưỡi thuổng làm bằng sắt đã han gỉ có chiều dài 20 cm, chiều rộng 10 cm, hai phần được hàn gắn nhau;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe đạp đã qua sử dụng có màu đỏ, yên xe màu đen đã bị gãy rời phần đệm với cốt yên, có giỏ xe màu đen, bị móp méo, đã bị rách thùng phần đáy.

(Vật chứng được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/8/2024)

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/9/2024; người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Cơ quan THAHS CA huyện Thái Thụy;
- Nhà tạm giữ CA huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Bị hại/người đại diện bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh